

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 14-3-2022

V/v “Ly hôn
và tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đinh Thị Thanh Giang**

2. Bà **Phạm Thị Em**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Huỳnh Nhung** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 575/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1984; Trú tại: Số D, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Hồ Hoàng N**, sinh năm 1983; Trú tại: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/12/2021, bản tự khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Bà H và ông N đám cưới trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Túc, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào năm 2003. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, tính cách, thường hay cãi nhau, ông N ham mê cờ bạc, không chăm lo gia đình, bà H đã tìm nhiều cách để hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà H và ông N đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Do không còn tình

cảm nên nay bà H yêu cầu ly hôn với ông Hồ Hoàng N. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Con chung: Bà H và ông N có 01 con chung là cháu Hồ Ngọc Yến T, sinh ngày 25/8/2006, bà H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ông Hồ Hoàng N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải và dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà H và ông N đã đến mức trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông N. Về con chung: bà H được nuôi 01 con chung là cháu Hồ Ngọc Yến T, sinh ngày 25/8/2006, ông N không phải cấp dưỡng nuôi chung do bà Ngọc tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung; nợ chung: Không có nên không xét đến

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Hồ Hoàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng đến lần thứ hai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông N là phù hợp với Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Hồ Hoàng N có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Túc, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào năm 2003 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận

là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Tại biên bản làm việc ngày 07/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành với cha ruột của bà H là ông Nguyễn Dũng Sơn thể hiện: quá trình chung sống ông N và bà H thường xuyên cãi nhau, gia đình cũng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, ông N ăn chơi cờ bạc, không chăm lo vợ con (BL 33). Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng ông N vắng mặt, cho thấy ông N đã từ bỏ mối quan hệ hôn nhân này. Bà H đã nộp đơn yêu cầu ly hôn một lần vào đầu năm 2021 nhưng đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn nhưng hiện tại bà H tiếp tục có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Điều đó đã chứng tỏ việc hàn gắn tình cảm cho bà H và ông N không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà H và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông N là phù hợp quy định pháp luật. Bà H, ông N tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Bà H và ông N có 01 con chung là cháu Hồ Ngọc Yến T, sinh ngày 25/8/2006, hiện đang sống với bà H. Xét việc giao con chung cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Bà H có công việc và thu nhập ổn định, cháu Yến Thy sống chung với bà H từ nhỏ, vẫn được bà H chăm sóc, phát triển bình thường, vẫn được tạo điều kiện học tập đầy đủ. Mặc khác, tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 05/01/2022, cháu T có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn (BL34). Do đó, để đảm bảo việc phát triển đầy đủ mọi mặt, đảm bảo ổn định về mặt tâm lý và tinh thần cho cháu T nên giao cháu T cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của bà H nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không có yêu cầu nên không xét đến; Nợ chung: Bà H khai không có nên không xét đến.

[6] Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc H đối với ông Hồ Hoàng N. Bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Hồ Hoàng N. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Hồ Hoàng N chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc H được tiếp tục nuôi 01 con chung là cháu Hồ Ngọc Yến T, sinh ngày 25/8/2006. Ông Hồ Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện không yêu cầu.

Ông Hồ Hoàng N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên cha mẹ, cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên không xét đến; nợ chung: Bà H khai không có nên không xét đến.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0001260 ngày 17/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị Ngọc H đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Dương sự;
- UBND xã Phú Túc;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Minh Hiền